VIỆC LÀM, THU NHẬP VÀ NHU CẦU NÂNG CAO CHUYÊN MÔN CỦA CỬ NHÂN TÂM LÝ HỌC CHUYÊN NGÀNH TÂM LÝ HỌC THAM VẤN

[1] Nguyễn Bá Đạt
[1] Trần Thị Minh Đức
[1] Nguyễn Thị Anh Thư
[1] Bùi Thị Hồng Thái
[2] Đỗ Minh Trang

[1]Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; [2]Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học Tâm lý giáo dục Thanh Lợi.

TÓM TẮT

***Đặt vấn đề**: Việc làm, thu nhập và trình độ chuyên môn là ba yếu tố được sử dụng để đánh giá sự phát triển nghề nghiệp và thành công trong cuộc sống của một cá nhân. **Mục đích**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng việc làm, thu nhập và nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn của cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn. **Phương pháp**: Mẫu nghiên cứu gồm 122 cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn, tuổi trung bình chung là 27,4 (SD = 2,9); thời gian tốt nghiệp trung bình là 4,7 năm (SD = 4,9). Công cụ khảo sát là bảng hỏi bán cấu trúc, gồm những câu hỏi đóng và câu hỏi mở thu thập thông tin về việc làm, thu nhập và nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn. **Kết quả:** Tỷ lệ cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn làm việc trong lĩnh vực tham vấn tâm lý là 18%; giáo dục - đào tạo (chiếm 34,4%), thương mại (chiếm 32,8%), và quản lý nguồn nhân lực (chiếm 4,1%). Thu nhập trung bình một tháng khoảng 13 triệu đồng; 29,5% số mẫu nghiên cứu có nhu cầu học thạc sỹ TLHTV trong thời gian tới. **Kết luận:** Cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn làm việc ở nhiều lĩnh vực khác nhau, có nhu cầu được nâng cao trình độ chuyên môn, phục vụ cho công việc và phát triển nghề nghiệp.*

Từ khóa: *Việc làm; Thu nhập; Cử nhân tâm lý học; Tâm lý học tham vấn*

Ngày nhận bài: 31/7/2021; *Ngày duyệt đăng bài:* 25/8/2021

1. Đặt vấn đề

Việc làm sau tốt nghiệp của cử nhân tâm lý học là một vấn đề nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, giảng viên, quản lý giáo dục, các hiệp hội tâm lý học trên thế giới. Điểm luận tài liệu sẵn có của các tác giả nước ngoài về vấn đề này ghi nhận, khoảng 57% cử nhân tâm lý học ở Hoa Kỳ tham gia thị trường lao động, 18% tiếp tục học nhưng không theo học ngành tâm lý học, 25% tiếp tục học sau đại học về tâm lý học (Lin và cộng sự, 2017); 63% cử nhân tâm lý học ở Úc tìm được công việc toàn thời gian trong lĩnh vực họ chọn; 36,1% học tiếp lên cao (Hamilton và cộng sự, 2018). Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ đưa ra danh mục việc làm tiềm năng của cử nhân tâm lý học, gồm 75 công việc, ví dụ: nghiên cứu - phân tích thị trường, nhân viên cộng đồng, quản lý lao động, đánh giá sự căng thẳng tâm lý, tư vấn việc làm, nhân viên tham vấn nghề/việc làm, phúc lợi trẻ em, hỗ trợ trẻ em chậm phát triển, tham vấn lạm dụng chất, tham vấn cho các cựu chiến binh (APA, 2013). Ở Hoa Kỳ, cử nhân tâm lý học tìm được việc làm ở năm lĩnh vực: thương mại, quản lý nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe, giảng dạy, dịch vụ xã hội (Appleby, 2017). Ở Úc, cử nhân tâm lý học làm việc trong lĩnh vực dịch vụ xã hội, thương mại, quản lý nhân sự, tiếp thị, chăm sóc sức khỏe (Australia, 2015; Hamilton và cộng sự, 2018).

Tâm lý học tham vấn là một chuyên ngành mang tính ứng dụng của tâm lý học, gắn liền với nghề tham vấn tâm lý (Keefe-Cooperman và Brady-Amoon, 2017). Sự phát triển của tâm lý học tham vấn gắn với ngành giáo dục, sự trỗi dậy của chủ nghĩa nhân văn trong tâm lý học, lý thuyết thân chủ trọng tâm của C.Rogers (Munley và cộng sự, 2004). Ở Hoa Kỳ, trước đây, tâm lý học tham vấn tập trung hỗ trợ những cá nhân, gia đình, các nhóm đạt được mục tiêu trong cuộc sống; phòng ngừa và can thiệp những khó khăn tâm lý; tham vấn nghề và việc làm. Tâm lý học tham vấn nhấn mạnh nguồn lực, tiềm năng, những điểm mạnh của con người, sự tương tác giữa con người và môi trường. Trong những năm gần đây, tâm lý học tham vấn nhấn mạnh đến tính đa văn hóa và công bằng xã hội (Fuertes và cộng sự, 2012). Các nhà tâm lý học tham vấn đảm nhận những vai trò mới trong xã hội với sự năng động và tôn trọng sự đa dạng (Fuertes và cộng sự, 2012; Keefe-Cooperman và Brady-Amoon, 2017). Nhờ vậy, sinh viên/học viên tốt nghiệp chuyên ngành tâm lý học tham vấn tìm được việc làm trong nhiều lĩnh vực và đảm nhận các vai trò khác nhau. Ở Vương quốc Anh, họ có thể làm việc trong hệ thống chăm sóc sức khỏe quốc gia, tại các cơ sở tư nhân, các tổ chức phi lợi nhuận, trong các tập đoàn, nhà máy sản xuất – họ cung cấp dịch vụ tham vấn tâm lý tại nơi làm việc (Feltham và cộng sự, 2017). Ở Hàn Quốc, họ được các trường đại học tuyển dụng – cung cấp dịch vụ tham vấn tâm lý cho sinh viên, họ làm việc tại các trung tâm hỗ trợ xã hội của cộng đồng, cung cấp dịch vụ tham vấn tâm lý cho thanh thiếu niên (Seo và cộng

sự, 2007). Ở Hoa Kỳ, phần lớn những người tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ hoặc tiến sĩ TLHTV làm việc tại trung tâm tham vấn tâm lý tư nhân, giảng viên trong trường đại học, trung tâm tham vấn tâm lý của trường đại học (Lichtenberg và cộng sự, 2018). Một số vị trí việc khác như cố vấn học tập, trị liệu nghệ thuật, tham vấn cho trẻ em bị lạm dụng, tham vấn trẻ em, trẻ vị thành niên, tham vấn hôn nhân và gia đình, tham vấn lão khoa, tham vấn gia đình và việc làm, tham vấn bạo lực gia đình, tham vấn sức khỏe tâm thần lâm sàng, tham vấn quân sự, tham vấn đa văn hóa, tham vấn phục hồi chức năng, người ứng tuyển cần nhận được văn bằng cao hơn bằng cử nhân (APA, 2013).

Ở nước ta hiện nay, việc làm dành cho cử nhân, thạc sỹ tâm lý học ngày càng nhiều. Các trang thông tin điện tử chuyên về việc làm thỉnh thoảng lại đăng tin tuyển dụng cử nhân, thạc sỹ tâm lý học làm việc trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thương mại, tham vấn - trị liệu tâm lý. Nếu vào Google gõ những cụm từ "Tuyển dụng cử nhân tâm lý học", "Tuyển nhân viên tư vấn tâm lý online", "Tuyển dụng cán bộ tâm lý" v.v., ta có thể tìm thấy các thông tin tuyển dụng của các trường đại học, viện nghiên cứu tâm lý, trung tâm đào tạo, trung tâm chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng… tuyển nhân viên, cán bộ tâm lý.

Việc làm dành các nhà tâm lý học ngày càng được xã hội biết đến và ghi nhận, được Nhà nước quy định trong các văn bản pháp lý. Cuối năm 2020, danh mục nghề nghiệp Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ ban hành, trong đó ghi rõ chức năng, nhiệm vụ của nhà tâm lý học (Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 34, 2020). Năm 2017, công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường trung học phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong trường học, trong đó nhấn mạnh đến mục đích của hoạt động tư vấn tâm lý học đường: "Phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp (khi cần thiết) đối với học sinh đang gặp phải khó khăn về tâm lý trong học tập và cuộc sống để tìm hướng giải quyết phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra. Hỗ trợ học sinh rèn luyện kỹ năng sống; tăng cường ý chí, niềm tin, bản lĩnh, thái độ ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội; rèn luyện sức khỏe thể chất và tinh thần (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 31, Điều 3, 2017). Công tác tham vấn, trị liệu tâm lý, phục hồi sức khỏe thể chất, tâm thần cho trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quy định tại Điều 50, Luật Trẻ em (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2016).

Trong chương trình đào tạo cử nhân tâm lý học của khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (USSH), Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU), ở khối kiến thức ngành, phần tự chọn, sinh viên có quyền lựa chọn một trong bốn chuyên ngành, đó là: tâm lý học xã hội, tâm lý học quản trị kinh doanh, tâm lý học lâm sàng và tâm lý học tham vấn. Khối kiến thức chuyên

ngành giúp sinh viên: (a) học chuyên sâu về một chuyên ngành tâm lý học, (b) áp dụng tri thức và phương pháp nghiên cứu, can thiệp giải quyết những vấn đề cụ thể của thực tiễn và (c) lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp và việc làm sau khi tốt nghiệp (Khoa Tâm lý học, 2019).

Trong bốn chuyên ngành, tâm lý học tham vấn được đưa vào đào tạo từ năm 2010, với khóa sinh viên đầu tiên QH-X-2007, mỗi khóa có khoảng 15 đến 20 sinh viên theo học. Tính đến thời điểm khảo sát (tháng 6 năm 2020), Bộ môn Tâm lý học tham vấn đã đào tạo được 10 khóa sinh viên, tổng cộng có 172 sinh viên tốt nghiệp. Với 16 tín chỉ chuyên ngành tâm lý học tham vấn (đạo đức nghề tham vấn; tham vấn hôn nhân và gia đình; tham vấn nhóm; tham vấn trẻ em và thanh thiếu niên; tham vấn qua điện thoại và internet và thực hành tham vấn tại cơ sở, tâm bệnh học) và 6 tín chỉ ngành (tâm lý học tham vấn, đánh giá tâm lý), sinh viên chuyên ngành tham vấn được trang bị các kiến thức và kỹ năng, thái độ gắn với từng lĩnh vực của tâm lý học tham vấn.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, thực hành nghề tham vấn, đáp ứng nhu cầu việc làm và phát triển nghề nghiệp của cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn, nghiên cứu này tập trung trả lời hai câu hỏi sau: 1/ Thực trạng việc làm và thu nhập của cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn hiện nay như thế nào? và 2/ Động cơ thúc đẩy cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn nâng cao trình độ chuyên môn là gì?.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu khảo sát

Đây là một nghiên cứu mô tả, được thiết kế theo lát cắt ngang, phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp với định tính, quy trình chọn mẫu thuận tiện. Từ dữ liệu của bộ phận đào tạo và của giảng viên bộ môn, chúng tôi thu thập danh sách sinh viên chuyên ngành tâm lý học tham vấn từ khóa đầu tiên (QH-2007-X-TL) đến khóa sinh viên tốt nghiệp tháng 6/2019 (QH-2015- X-TL). Trên cơ sở danh sách này, chúng tôi liên hệ với lớp trưởng của các lớp và/hoặc từng sinh viên theo địa chỉ email, điện thoại, zalo hoặc facebook và gửi đường link bảng hỏi để các cựu sinh viên trả lời phiếu khảo sát, theo sự tự nguyện của các em.

Số cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn trả lời phiếu khảo sát là 122/140 người thuộc diện khảo sát, trải đều ở tất cả các khóa; trong đó có 109 nữ (chiếm 89,3%) và 13 nam (chiếm 10%); độ tuổi trung bình: M = 27,4 (SD = 2,9); thời gian tính từ khi nhận bằng tốt nghiệp đến thời điểm khảo sát: M = 4,9; SD = 4,7. Khóa tốt nghiệp lâu nhất là 9 năm, khóa tốt nghiệp gần nhất 1 năm. Trình độ chuyên môn: 89 người cử nhân (chiếm 73%),

7 người đang học thạc sỹ (chiếm 5,7%), 25 người đã có bằng thạc sỹ (chiếm 20,5%), 1 người đã có bằng tiến sỹ (chiếm 0,8%). Địa điểm sinh sống và làm việc, 92 người đang sinh sống và làm việc ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (chiếm 75,4%), 20 người ở các tỉnh/thành khác (chiếm 16,4%), 10 người ra nước ngoài (chiếm 8,2%). Tình trạng việc làm, 112 người đang có việc làm (chiếm 91,8%), 10 người đang thất nghiệp (chiếm 8,2%).

2.2. Công cụ khảo sát

Nhóm nghiên cứu đã thảo luận và thiết kế một bảng hỏi có cấu trúc, nội dung chia làm bốn phần: 1/ Những thông tin chung như giới tính, tuổi, năm tốt nghiệp, trình độ chuyên môn, nơi cư trú; 2/ Tình trạng việc làm, thu nhập, thời gian tìm được việc làm, những phẩm chất và kỹ năng giúp sinh viên hoàn thành công việc, sự thay đổi việc làm; 3/ Mức độ áp dụng tri thức và kỹ năng đã học ở từng học phần thuộc chuyên ngành tâm lý học tham vấn và 4/ Nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn. Ở phần 1, 2, 4, các câu hỏi được thiết kế theo dạng câu hỏi đóng và câu hỏi mở. Với những câu hỏi mở, người trả lời không bị giới hạn về số lượng từ và thời gian trả lời. Trong phần 3, các câu hỏi được thiết kế theo thang điểm Likert từ 1 đến 5 đo mức độ áp dụng những kiến thức và kỹ năng học được trong các học phần thuộc chuyên ngành TLHTV, trong đó 1- Không bao giờ áp dụng đến 5- Liên tục áp dụng.

2.3. Xử lý dữ liệu

Dữ liệu thu được từ câu hỏi đóng và theo thang điểm Likert được phân tích bằng các phép toán thống kê mô tả, như tính tỷ lệ %, điểm trung bình (M) chung, độ lệch chuẩn (SD), so sánh điểm trung bình chung theo các biến nhân khẩu và lĩnh vực làm việc.

Đối với những dữ liệu thu được từ câu hỏi mở, chẳng hạn: "Công việc hiện tại của bạn là gì? (bạn hãy mô tả vị trí việc làm của mình trong cơ quan/tổ chức của bạn hoặc công việc bạn đang làm tạo ra thu nhập hoặc được trả lương)", "Với vị trí việc làm bạn đang đảm nhận, những kiến thức, kỹ năng và quy tắc đạo đức nghề nào là cần thiết giúp bạn hoàn thành công việc", nhóm nghiên cứu đã áp dụng mô hình quy nạp để phân tích câu trả lời của những người tham gia nghiên cứu. Mô hình quy nạp bắt đầu bằng việc đọc từng đoạn dữ liệu thô để tìm ra ý nghĩa hoặc chủ đề quan trọng thông qua diễn giải/cắt nghĩa dữ liệu (Thomas, 2006). Cách tiếp cận này phù hợp khi mục tiêu của việc phân tích dữ liệu là nắm bắt được các ý chính vốn có trong câu trả lời của những người tham gia mà không dựa vào mô hình lý thuyết định sẵn. Nhóm nghiên cứu đã thực hiện phân tích, tìm ra chủ đề trong mỗi câu trả lời theo hướng dẫn (Braun và Clarke, 2006). Trước tiên, các thành viên trong nhóm nghiên cứu đọc nhiều lần câu trả lời thu được từ những câu hỏi mở về vị trí

việc làm, những kiến thức, kỹ năng và quy điều đạo đức giúp họ hoàn thành nhiệm vụ, lý do khiến họ chuyển đổi công việc. Sau đó, mỗi thành viên tự phân tích các đặc điểm cơ bản, ghi lại những nội dung nổi bật trong tập dữ liệu. Tiếp đến, nhóm nghiên cứu gặp nhau để thống nhất các chủ đề tiềm năng trong bộ dữ liệu và đọc lại câu trả lời trong bộ dữ liệu; từ đó, gắn chúng với chủ đề đã được xác định và bổ sung chủ đề mới. Cuối cùng, nhóm nghiêu cứu thảo luận và đưa ra các chủ đề được trình bày trong bảng 1 và bảng 2 theo số lượng và tỷ lệ % câu trả lời với mỗi chủ đề. Sau đó, nhóm nghiên cứu mã hóa các chủ đề dưới dạng số để sử dụng các phép toán thống kê mô tả để kiểm định sự khác nhau, mối liên hệ giữa các biến. Toàn bộ dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS, phiên bản 21.0.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Lĩnh vực làm việc

Kết quả nghiên cứu cho thấy, cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn chủ yếu làm việc trong 4 lĩnh vực: tham vấn tâm lý, giáo dục - đào tạo, thương mại, quản lý nguồn nhân lực; số ít sinh viên tốt nghiệp làm nghiên cứu và tiếp tục đi học (xem bảng 1).

Bảng 1: *Công việc của cử nhân chuyên ngành tâm lý học tham vấn*

Lĩnh vực làm việc (N = 122)	**Công việc**	**Số lượng (N)**	**Tỷ lệ (%)**
Tham vấn tâm lý: 18%	Tham vấn trẻ em, vị thành niên	14	11,5
	Đánh giá tâm lý	1	0,8
	Tham vấn học đường	7	5,7
Giáo dục và đào tạo: 34,4%	Dạy trẻ em rối loạn phát triển	23	18,9
	Quản lý các trung tâm giáo dục đặc biệt	5	4,1
	Giáo viên dạy tâm lý và kỹ năng sống	5	4,1
	Chuyên viên đào tạo, tuyển sinh, du học	9	7,4
Thương mại: 32,8%	Kinh doanh, đầu tư, bán hàng	23	18,9
	Tư vấn và chăm sóc khách hàng	10	8,2
	Truyền thông – marketing	7	5,7
	Nhân viên phòng nhân sự	3	2,5

Quản lý nguồn nhân lực: 2,1%	Đào tạo nâng cao năng lực cho người lao động	2	1,6
Nghiên cứu: 4,1%	Nghiên cứu và dịch thuật	5	4,1
Học tiếp: 1,6%	Học ngoại ngữ	2	1,6
Không báo cáo: 4,9%	Không muốn tiết lộ	6	4,9

3.2. Thu nhập

Kết quả khảo sát ghi nhận thu nhập bình quân hàng tháng: gần 13 triệu đồng; SD = 11.776.400, người có thu nhập cao nhất là 90 triệu đồng/tháng, với vị trí làm việc là giám đốc trung tâm, người có thu nhập thấp nhất là 4 triệu đồng/tháng với vị trí việc làm là trợ lý nghiên cứu.

Thu nhập bình quân một tháng theo từng lĩnh vực: tham vấn tâm lý: 10.552.600 đồng/tháng; SD = 5.545.000 đồng; giáo dục và đào tạo: 11.928.600 đồng/tháng; SD = 14.322.750 đồng; thương mại: 15.894.700 đồng/tháng; SD = 11.983.750 đồng; quản lý nguồn nhân lực: 16 triệu đồng/tháng; SD = 8.602.330 đồng; nghiên cứu: 10.800.000đồng/tháng; SD = 8.228.000 đồng.

Kiểm định One-way Anova cho thấy, thu nhập bình quân của những người tham gia nghiên cứu làm việc trong bốn lĩnh vực trên không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê. Thu nhập trung bình của cử nhân: 11.530.500 đồng/ tháng; SD = 7.758.850 đồng; thạc sỹ: 19.583.300 đồng/tháng; SD = 20.142.790 đồng/tháng.

3.3. Kiến thức, kỹ năng, nguyên tắc đạo đức cần thiết trong công việc

Bảng 2: *Kiến thức, kỹ năng và nguyên tắc đạo đức cần thiết trong công việc (N = 122)*

Các khía cạnh	**Nội dung chi tiết**	**Số lượng (N)**	**Tỷ lệ (%)**
Kiến thức	Tâm lý học tham vấn	5	4,1
	Tâm lý học phát triển	5	4,1
	Tâm lý khách hàng, doanh nghiệp, marketing, quản lý	2	1,6
	Rối loạn phát triển và giáo dục đặc biệt	2	1,6
	Tâm lý học tham vấn, lâm sàng, phát triển, học đường	7	5,7
	Tất cả những kiến thức tâm lý học đã được học	24	19,7

	Sinh viên không nêu	77	63,1
Kỹ năng	Kỹ năng tham vấn căn bản	39	32,0
	Kỹ năng đánh giá, định hình trường hợp, trị liệu, lưu hồ sơ	6	4,9
	Kỹ năng mềm: giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý cảm xúc, lập kế hoạch	8	6,6
	Kỹ năng kinh doanh, quản lý, giới thiệu sản phẩm, nắm bắt tâm lý khách hàng, bán hàng	12	9,8
	Kết hợp kỹ năng tham vấn trị liệu và kỹ năng mềm	5	4,1
	Kết hợp kỹ năng tham vấn và kỹ năng kinh doanh	9	7,4
	Ngoại ngữ	3	2,5
	Không nêu	40	32,8
Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp	Tôn trọng khách hàng	11	9,0
	Chấp nhận khách hàng	2	1,6
	Bảo mật thông tin	11	9,0
	Không có mối quan hệ kép	1	0,8
	Trung thực, tận tâm, chăm chỉ, kiên trì	6	4,9
	Tất cả các nguyên tắc đạo đức được học	29	23,8
	Không nêu	62	50,8

Trong quá trình đọc câu trả lời của những người tham gia nghiên cứu, chúng tôi nhiều lần đọc được những từ và cụm từ: các kỹ năng tham vấn căn bản, tôn trọng, chấp nhận khách hàng, các kiến thức tâm lý học nói chung học được trong trường đại học là những kiến thức, kỹ năng và nguyên tắc đạo đức được đánh giá là cần thiết trong công việc hiện tại của những người tham gia nghiên cứu (bảng 2).

"*Những kiến thức về tham vấn tâm lý, tâm bệnh học, tham vấn cá nhân, gia đình, nhóm, các kiến thức liên quan đến văn hóa, gia đình, bình đẳng giới, các kỹ năng đánh giá tâm lý, tham vấn cơ bản và phối hợp liên ngành, các nguyên tắc đạo đức trong tham vấn giúp tôi rất nhiều trong công việc, nhất là khi làm việc với các khách hàng gặp vấn đề bạo lực gia đình*" (nữ, tốt nghiệp năm 2017, tham vấn tâm lý tại cộng đồng).

"*Với công việc hiện tại, tôi tập trung vào nguyên tắc tôn trọng quyền tự quyết của khách hàng và không để nảy sinh mối quan hệ sóng đôi với họ. Điều*

này khá khó khăn, vì nó xuất phát từ bản chất mô hình của doanh nghiệp tôi đang làm việc là tư vấn, huấn luyện khách hàng trong khi khách hàng luôn mong muốn được nhận lời khuyên, đưa ra giải pháp. Ngoài ra, khách hàng có khi muốn tặng quà cho tôi. Còn chủ doanh nghiệp muốn nhân viên giữ chân khách hàng" (nữ, tốt nghiệp năm 2012, nhân viên chăm sóc khách hàng).

3.4. Nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn

Kết quả khảo sát cho thấy, 29,5% số người tham gia nghiên cứu có nguyện vọng học thạc sỹ tham vấn tâm lý trong thời gian tới. Động cơ thúc đẩy họ học thạc sỹ tham vấn tâm lý xuất phát từ yêu cầu của công việc, phát triển chuyên môn, sở thích cá nhân. Số ít nhận thấy rằng, công việc họ đang làm cần có văn bằng cao hơn. Dưới đây là một số chia sẻ của những người tham gia nghiên cứu.

** Yêu cầu của công việc*

"*Tôi mong muốn học lên thạc sỹ để trau dồi kiến thức và kỹ năng, có đủ điều kiện thực hành nghề*" (nữ, tốt nghiệp năm 2017, trợ lý nghiên cứu).

"*Việc tiếp tục học lên thạc sỹ là điều cần thiết cho công việc hiện tại của tôi*" (nữ, tốt nghiệp năm 2012, đánh giá, tham vấn - trị liệu cho trẻ).

"*Tôi muốn nâng cao và mở rộng cơ hội học tập, các trải nghiệm của mình. Công việc tôi đang làm cũng cần có chức danh*" (nữ, tốt nghiệp năm 2017, chuyên viên tham vấn).

** Phát triển năng lực nghề nghiệp*

"*Tôi mong muốn hoàn thiện năng lực của bản thân để thực hành chuyên nghiệp*" (nữ, tốt nghiệp năm 2019, điều phối nghiên cứu).

"*Tôi muốn được đào tạo chuyên sâu hơn, tôi cảm thấy kiến thức hiện tại còn quá ít để có thể áp dụng vào công việc trợ giúp*" (nữ, tốt nghiệp năm 2017, can thiệp cho trẻ có rối loạn phát triển).

** Có văn bằng cao hơn, tuân theo quy điều đạo đức*

"*Tôi mong muốn học lên cao để nâng cao kiến thức và học chuyên sâu hơn, có bằng cấp đủ để thực hành nghề theo đúng nguyên tắc đạo đức*" (nữ, tốt nghiệp năm 2019, tham vấn tình yêu, hôn nhân và gia đình).

** Sở thích cá nhân và mong muốn hỗ trợ người khác và chính bản thân mình*

"*Tôi yêu công việc tham vấn, tôi mong muốn có những hiểu biết khoa học, chuyên nghiệp về công việc tham vấn*" (nữ, tốt nghiệp năm 2018, tham vấn học đường).

"*Tôi cảm thấy bản thân phù hợp với nghề này, mong muốn được tiếp tục giúp đỡ mọi người để cuộc sống tốt đẹp và ý nghĩa hơn*" (nữ, tốt nghiệp năm 2019, tham vấn học đường).

** Mong muốn trở thành người giám sát chuyên môn*

"*Định hướng công việc của tôi là giám sát các vị trí chuyên viên tâm lý học đường trong trường học. Vì vậy, việc học lên thạc sỹ là điều cần thiết đối với tôi*" (nữ, tốt nghiệp năm 2016, làm việc trong lĩnh vực tham vấn, giáo dục).

"*Trong công việc sau này, tôi sẽ có vai trò giám sát chuyên môn cho các bạn mới vào, vì vậy tôi cần phải học lên thạc sỹ để có chức danh được công nhận và kiến thức chuyên môn sâu hơn trong vai trò của mình*" (nam, tốt nghiệp năm 2015, chuyên viên tham vấn/trị liệu).

Kết quả khảo sát còn cho thấy, 73,2% số người tham gia nghiên cứu có nhu cầu tham gia khóa học kỹ năng làm cha mẹ; 67,5% khóa học về tham vấn khủng hoảng; 50,4% khóa học tham vấn cặp đôi, 47,2% khóa học tham vấn học đường; 50,4% khóa học tham vấn trực tuyến; 54,5% khóa học nâng cao năng lực tham vấn nói chung. Những người tham gia nghiên cứu không những có nhu cầu học thạc sỹ tham vấn tâm lý, họ có nhu cầu được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.

4. Bàn luận

Mục đích của nghiên cứu này là đánh giá thực trạng việc làm, thu nhập và nhu cầu nâng cao trình độ, chuyên môn của cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn tốt nghiệp tại Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cử nhân tâm lý học theo học chuyên ngành tâm lý học tham vấn làm việc ở nhiều lĩnh vực, đảm nhận nhiều vai trò khác nhau. Lĩnh vực tham vấn tâm lý, giáo dục và đào tạo, thương mại có tỷ lệ cử nhân tâm lý học chuyên ngành làm việc nhiều nhất. Họ đảm nhận công việc tham vấn tâm lý cho trẻ em, trẻ vị thành niên tại các trung tâm tham vấn tư nhân, can thiệp trẻ em có rối loạn phát triển, chuyên viên đào tạo, tư vấn tuyển sinh, du học tại các cơ sở giáo dục, chăm sóc khách hàng hoặc kinh doanh. Kết quả nghiên cứu này có sự đồng nhất với kết quả khảo sát về việc làm của cử nhân tâm lý học ở Hoa Kỳ, ở Úc (Australia, 2015; Lin và cộng sự, 2017), những quốc gia có số lượng sinh viên tốt nghiệp cử nhân tâm lý

học gia tăng hàng năm, kiến thức và kỹ năng tâm lý học được đào tạo có thể áp dụng ở môi trường làm việc khác nhau (Appleby, 2017).

Trong chương trình đào tạo của Khoa Tâm lý học, với 16 tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên ngành, mang tính tự chọn, ở năm cuối đại học, sinh viên được tạo điều kiện lựa chọn chuyên ngành mình yêu thích. Trong quá trình học, bước đầu vận dụng tri thức và kỹ năng nghề nghiệp giải quyết những tình huống xảy ra trong thực tế gắn với mỗi chuyên ngành. Kết quả khảo sát ghi nhận 18% sinh viên báo cáo đang làm việc trong lĩnh vực tham vấn tâm lý. So sánh với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, thương mại, tỷ lệ sinh viên làm việc trong lĩnh vực tham vấn tâm lý thấp hơn. Điều này được giải thích bởi tính chất và yêu cầu của công việc tham vấn tâm lý khắt khe hơn. Người làm trong lĩnh vực này cần nhận được văn bằng cao hơn bằng cử nhân, ví dụ như thạc sỹ hoặc tiến sỹ tâm lý học tham vấn. Những công việc như tham vấn - trị liệu tâm lý, tham vấn học đường, tham vấn hôn nhân - gia đình, tham vấn nghề, tham vấn bạo lực gia đình, cố vấn học tập cần có bằng thạc sỹ hoặc tiến sỹ tâm lý học tham vấn (APA, 2013). Ở Việt Nam, thực tế cho thấy, với bằng cử nhân, người làm việc trong các lĩnh vực tham vấn và trị liệu tâm lý chưa thể đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Cũng vì vậy, 1/3 cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn có nhu cầu học thạc sỹ tham vấn tâm lý trong thời gian tới, khoảng 1/2 trong số họ có nhu cầu được bồi dưỡng nâng cao năng lực tham vấn tâm lý trong một lĩnh vực cụ thể. Tỷ lệ này phù hợp với những báo cáo của các tác giả quốc tế về nhu cầu học lên cao của cử nhân tâm lý học (Australia, 2015; Lin và cộng sự, 2017). Động cơ thúc đẩy cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn học thạc sỹ và bồi dưỡng chuyên môn xuất phát từ yêu cầu của công việc, định hướng phát triển nghề nghiệp và tình yêu nghề nghiệp.

Sự chênh lệch trong thu nhập giữa các cá nhân với nhau trong cùng một lĩnh vực việc làm được phản ánh thông qua độ lệch chuẩn về thu nhập bình quân hàng tháng. Điều này được giải thích bởi vị trí công việc cá nhân đang đảm nhận, khối lượng hoàn thành công việc. Những ai đảm nhận công việc giám đốc, quản lý chuyên môn của các trung tâm, công ty thường có thu nhập cao, ngược lại những ai làm một công việc, làm việc không thường xuyên thường có thu nhập thấp. Thu nhập của cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn tại thời điểm khảo sát cao hơn thu nhập của người lao động làm công hưởng lương. Theo dữ liệu của Tổng cục Thống kê, thu nhập bình quân tháng của người lao động làm công hưởng lương trong quý III năm 2020 đạt 6,5 triệu đồng/tháng (Tổng cục Thống kê, 2020). Ở Mỹ, lương trung bình của nhà tâm lý học dao động từ 60.000 đến 120.000 đô la Mỹ một năm, trung bình vào khoảng 80.000 đô la Mỹ một năm. Lương trung bình của một nhà tâm lý học tham vấn

vào khoảng 85.000 đô la Mỹ một năm (APA, 2015). Thu nhập của nhà tâm lý học trong và ngoài nước luôn có xu hướng cao hơn so với người lao động làm công hưởng lương.

Kết quả khảo sát cho thấy, 1/3 số người tham gia nghiên cứu ghi nhận các kỹ năng tham vấn cơ bản là rất cần thiết trong công việc của họ. Những kỹ năng như lắng nghe tích cực, thấu cảm, đặt câu hỏi, phản hồi không chỉ được ứng dụng trong tham vấn, trị liệu tâm lý, còn được ứng dụng trong kinh doanh thương mại, giáo dục đào tạo, giao tiếp xã hội, đời sống hàng ngày. Sự tôn trọng, chấp nhận, bảo mật, riêng tư, không gây hại cho khách hàng là những điều cốt yếu tạo nên sự tin tưởng trong mối quan hệ liên cá nhân. Ngoài ra, những kiến thức tâm lý học nói chung được tích lũy từ năm thứ nhất đến khi ra trường có tỷ lệ những người tham gia nghiên cứu đánh giá là cần thiết trong công việc. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi đồng nhất với những điều đã được Rios và cộng sự (2020) báo cáo trong nghiên cứu về những kỹ năng quan trọng giúp người lao động thành công trong công việc.

Những phát hiện trong nghiên cứu này có ý nghĩa đối với công tác đào tạo của Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và Bộ môn Tâm lý học tham vấn. Kết quả nghiên cứu là những bằng chứng có giá trị, ghi nhận chất lượng đào tạo của Khoa Tâm lý học nói chung, Bộ môn Tâm lý học tham vấn nói riêng là rất tốt. Trong quá trình học tập, sinh viên được trang bị và rèn luyện những kiến thức và kỹ năng nền tảng của tâm lý học, những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu của mỗi chuyên ngành, giúp sinh viên tốt nghiệp ra trường thích ứng và làm việc ở nhiều lĩnh vực khác nhau, thu nhập tốt. Kết quả nghiên cứu chỉ ra sự cần thiết của công tác định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình học tập tại Khoa và Bộ môn, giúp sinh viên xác định được lĩnh vực và danh mục việc làm tiềm năng có thể nhận được sau khi tốt nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy tiềm năng tuyển sinh cho chương trình thạc sỹ tham vấn tâm lý trong những năm tới của Bộ môn.

Những phát hiện trong nghiên cứu này đã trả lời được các câu hỏi nghiên cứu, góp phần khỏa lấp những khoảng trống trong nghiên cứu về việc làm, thu nhập và nhu cầu nâng cao trình độ, chuyên môn của cử nhân tâm lý học ở Việt Nam, nhất là cử nhân chuyên ngành tâm lý học tham vấn. Tuy nhiên, nghiên cứu này vẫn còn một số hạn chế nhất định: Việc nghiên cứu mô tả theo lát cắt ngang chưa chỉ ra sự chuyển đổi việc làm và thu nhập của những người tham gia nghiên cứu. Những kiến thức, kỹ năng, nguyên tắc đạo đức giúp sinh viên hoàn thành công việc thu được từ sự tự báo cáo của người tham gia nghiên cứu, chưa có đánh giá của người sử dụng lao động. Ngoài ra, với đặc điểm là bộ môn ra đời muộn nhất ở Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân

văn, Đại học Quốc gia Hà Nội nên lượng cử nhân tốt nghiệp chưa nhiều. Điều này khiến số lượng khách thể tham gia nghiên cứu là khiêm tốn. Một số câu hỏi có tỷ lệ khuyết thiếu cao cũng có thể ít nhiều làm ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu. Trong các nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi sẽ tập trung làm sáng tỏ mối quan hệ giữa đào tạo lý thuyết và thực hành trong tham vấn và trị liệu tâm lý, vấn đề giám sát chuyên môn liên tục cho các nhà thực hành tâm lý; mối quan hệ giữa nhu cầu chăm sóc sức khỏe tâm thần trong xã hội và sự đáp ứng của người tốt nghiệp tâm lý học tham vấn.

5. Kết luận

Tham vấn tâm lý, tham vấn học đường, giáo dục - đào tạo, kinh doanh, bán hàng là những công việc có tỷ lệ cử nhân tâm lý học chuyên ngành tâm lý học tham vấn làm việc nhiều nhất. Thu nhập của họ có sự khác biệt giữa các cá nhân làm cùng một lĩnh vực. Một phần ba mẫu khảo sát có nhu cầu học thạc sỹ tham vấn tâm lý, khoảng 1/2 có nhu cầu được bồi dưỡng, nâng cao năng lực tham vấn tâm lý. Những phát hiện này khẳng định định hướng đào tạo của Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội nói chung của Bộ môn Tâm lý học tham vấn nói riêng hoàn toàn phù hợp, giúp cử nhân tâm lý học tìm được việc làm trong nhiều lĩnh vực. Kết quả nghiên cứu còn là cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng và mở chương trình đào tạo thạc sỹ tham vấn tâm lý của Bộ môn và Khoa Tâm lý học trong thời gian tới nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Thông tư hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*. Văn bản pháp luật. https://moet.gov.vn/van-ban/vanban/Pages/chi-tiet-van-ban.aspx?ItemID=1269.

2. Khoa Tâm lý học (2019). *Chương trình đào tạo cử nhân tâm lý học hệ chuẩn*. Cổng Thông tin điện tử phòng đào tạo Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội). https://ussh.vnu.edu.vn/vi/dao-tao/nganh-tam-ly-hoc/khung-chuong-trinh-16368. html.

3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016). *Luật Trẻ em*.

4. Thủ tướng Chính Phủ (2020). *Quyết định ban hành danh mục nghề nghiệp Việt Nam.* http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document.

5. Tổng cục Thống kê (2020). *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý III và 9 tháng năm 2020*. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong- ke/2020/10/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-va-9-thang-nam-2020/. Truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2021.

Tài liệu tiếng Anh

6. American Psychological Association (APA) (2013). *Guidelines for the undergraduate psychology major: Version 2.0*. In American Psychologist. Vol. 71. Iss. 2. P. 102 - 111. DOI: 10.1037/a0037562.

7. American Psychological Association (2015). *How much do today's psychologists earn*. https://www.apa.org/monitor/2017/09/psychologists-earn.

8. Appleby D.C. (2017). *Preparing psychology majors to enter the workforce: Then, now, with whom, and how*. Teaching of Psychology. Vol. 45 (1). P. 14 - 23. DOI: 10.1177/0098628317744944.

9. Australia G.C. (2015). *Graduate destinations: A report on the work and study outcomes of recent higher education graduates*.

10. Braun V. and Clarke V. (2006). *Using thematic analysis in psychology*. Qualitative Research in Psychology. Vol. 3 (2). P. 77 - 101.

11. Feltham C., Hanley T. and Winter L.A. (2017). *The SAGE handbook of counseling and psychotherapy*. Sage.

12. Fuertes J.N., Spokane A. and Holloway E. (2012). *Specialty competencies in counseling psychology*. Oxford University Press.

13. Hamilton K., Morrissey S.A., Farrell L.J., Ellu M.C., O'donovan A., Weinbrecht T. and O'connor E.L. (2018). *Increasing psychological literacy and work readiness of Australian psychology undergraduates through a capstone and work-integrated learning experience: Current issues and what needs to be done*. Australian Psychologist. Vol. 53 (2). P. 151 - 160.

14. Keefe-Cooperman K. and Brady-Amoon P. (2017). *Psychology, counseling psychology, and professional counseling: Shared roots, challenges, and opportunities*. The European Journal of Counselling Psychology. Vol. 6 (1). P. 41 - 62.

15. Lichtenberg J.W., Hutman H. and Goodyear R.K. (2018). *Portrait of counseling psychology: Demographics, roles, activities, and values across three decades*. The Counseling Psychologist. Vol. 46 (1). P. 50 - 76.

16. Lin L., Christidis P. & Stamm K. (2017). *The path to becoming a psychologist*. Monitor on Psychology. Vol. 48 (9). P. 17.

17. Munley P.H., Duncan L.E., Mcdonnell K.A. and Sauer E.M. (2004). *Counseling psychology in the United States of America*. Counselling Psychology Quarterly. Vol. 17 (3). P. 247 - 271.

18. Rios J.A., Ling G., Pugh R., Becker D. and Bacall A. (2020). *Identifying critical 21st-century skills for workplace success: A content analysis of job advertisements*. Educational Researcher. Vol. 49 (2). P. 80 - 89. DOI: 10.3102/0013189X19890600.

19. Seo Y.S., Kim D.M. and Kim D. (2007). *Current status and prospects of Korean counseling psychology: Research, clinical training, and job placement.* Applied Psychology. Vol. 56 (1). P. 107 - 118.

20. Thomas D.R. (2006). *A general inductive approach for analyzing qualitative evaluation data*. American Journal of Evaluation. Vol. 27 (2). P. 237 - 246.

EMPLOYMENT STATUS, EARNINGS, AND NEED TO IMPROVE PROFESSIONAL COMPETENCE OF BACHELORS SPECIALIZED IN COUNSELING PSYCHOLOGY

Background: Occupation, earnings, and competency are considered as three core elements that evaluate an individual's career development and success in life. **Objective**: The research aims to investigate these elements of Bachelors in Psychology, especially those who specialize in counseling psychology. **Method:** The sample includе 122 Bachelors specialized in Counseling Psychology (M_{Age} = 27.4; SD = 2.9; $M_{Time\ after\ graduation}$ = 4.7; SD = 4.9). Semi-structured questionnaires were used to collect data about participants' employment status, earnings, and need to improve professional competence. **Results:** he percentage of graduates participating in the counseling field is 18.0%. Participants are also involved in other areas such as education and training (34.4%), commerce (32.8%), and human resources (4.1%). The average salary is 13 million VND. 29,5% of participants want to study for a master's degree relevant to counseling psychology in the near future. **Conclusions:** Bachelors specializing in Counseling Psychology are working in many fields, and they are also willing to acquire more knowledge to meet job requirements and cultivate their careers.

Keywords: Employment status; Earnings; Bachelor in Psychology; Counseling Psychology.